

CHÍNH PHỦ  
Số: 22/1999/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 1999

## NGHỊ ĐỊNH

### Quy định về đầu tư ra nước ngoài của Doanh nghiệp Việt Nam

## CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Nhằm tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, góp phần mở rộng và nâng cao hiệu quả của hợp tác kinh tế, kỹ thuật, thương mại với nước ngoài;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

## NGHỊ ĐỊNH:

### Điều 1.

- Đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam là việc Doanh nghiệp Việt Nam đưa vốn bằng tiền, tài sản khác ra nước ngoài để đầu tư trực tiếp ở nước ngoài theo quy định của Nghị định này;
- Nghị định này không điều chỉnh việc đầu tư của Doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài dưới các hình thức cho vay tín dụng, mua cổ phiếu; đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm.

### Điều 2.

- Doanh nghiệp Việt Nam được đầu tư ra nước ngoài bao gồm:
  - Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước;
  - Hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;
  - Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Công ty;
  - Doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp tư nhân.

(Các doanh nghiệp nêu tại khoản này sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp Việt Nam).

2. Đầu tư ra nước ngoài của Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các Bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định riêng của Chính phủ.

**Điều 3.** Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài phải có đủ các điều kiện sau:

1. Dự án đầu tư ra nước ngoài có tính khả thi;
2. Có năng lực tài chính đáp ứng yêu cầu đầu tư ra nước ngoài;
3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

**Điều 4.** Doanh nghiệp Việt Nam được đầu tư ra nước ngoài bằng:

1. Máy móc, thiết bị, bộ phận rời; vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu;
2. Giá trị quyền sở hữu công nghiệp; bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật;
3. Tiền nước ngoài;
4. Các quyền tài sản khác trừ những quyền tài sản không được phép chuyển ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.**

1. Việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền, tài sản nêu tại Điều 4 của Nghị định này phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối, quy định về xuất khẩu và chuyển giao công nghệ;
2. Việc miễn thuế xuất khẩu đối với các tài sản đầu tư ra nước ngoài của Doanh nghiệp nêu tại điểm 1 Điều 4 của Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Bộ Thương mại xác nhận danh mục hàng hóa miễn thuế nói trên; Tổng cục Hải quan căn cứ vào văn bản xác nhận danh mục đó để miễn thuế xuất khẩu.

**Điều 6.**

1. Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài phải tuân thủ quy định xin phép đầu tư ra nước ngoài nêu tại các Điều 7, 8, 9 và 10 của Nghị định này gồm:
  - a) Doanh nghiệp Nhà nước;
  - b) Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhưng có vốn đầu tư ra nước ngoài có giá trị từ 1.000.000 đô la Mỹ trở lên.

2. Đối với những trường hợp đầu tư không thuộc khoản 1 điều này, Doanh nghiệp chỉ cần đăng ký tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo mẫu quy định.

**Điều 7.** Hồ sơ đầu tư ra nước ngoài gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư bao gồm:

1. Đơn xin đầu tư ra nước ngoài;
2. Bản sao Quyết định thành lập Doanh nghiệp;
3. Văn bản cho phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc hợp đồng, bản thỏa thuận với bên nước ngoài về dự án đầu tư;
4. Giải trình về mục tiêu của dự án, nguồn gốc các khoản vốn đầu tư của Doanh nghiệp; hình thức đầu tư, phương thức chuyển vốn, phương thức chuyển lợi nhuận về nước;
5. Tình hình tài chính của Doanh nghiệp;
6. Văn bản chấp thuận đầu tư ra nước ngoài của cơ quan ra quyết định thành lập Doanh nghiệp (nếu là Doanh nghiệp Nhà nước).

**Điều 8.** Sau khi nhận được hồ sơ dự án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định dự án về những nội dung chủ yếu sau:

1. Năng lực tài chính của Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài;
2. Hiệu quả của dự án (các khoản nộp ngân sách, khả năng mở rộng thị trường).

**Điều 9.** Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài được quy định như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với những dự án của Doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc vốn đầu tư của Doanh nghiệp Nhà nước có giá trị từ 1.000.000 đô la Mỹ trở lên;
2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định đối với những dự án còn lại.

**Điều 10.** Việc thẩm định dự án đầu tư ra nước ngoài được quy định như sau:

1. Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài lập hồ sơ quy định tại Điều 7 của Nghị định này thành 8 bộ (trong đó có 1 bộ gốc) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến của Bộ và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan;